TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 19 - 9 - 2024.
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Thưởng

Ông Từ Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 417/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc *"Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2024; Quyết định hoãn phiên toà số 117/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số G, đường T, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt tại phiên toà.*

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số E, đường C, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt tại phiên toà.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của bà Nguyễn Thị L thì: Bà và ông Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn vào năm 2015, tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại số E, đường C, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng là nhà của ông H. Cuộc

sống chung hạnh phúc 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà có con riêng, năm 2021 con riêng về ở với vợ chồng bà nhưng ông H không có thiện cảm và cho rằng bà lấy tiền nuôi con riêng, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đỉnh điểm có xảy ra đánh nhau. Ngoài ra, còn có mâu thuẫn trong việc làm ăn và kinh tế gia đình, ông H thường xuyên nhậu nhẹt về gây sự với bà. Hiện ông bà đã sống ly thân 02 năm, bà đã chuyển ra thuê nhà ở đường T, phường G, thành phố Đ để ở và làm ăn buôn bán cùng với con riêng. Bà cũng vẫn cho ông H cơ hội và đã nói chuyện hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Nguyễn Văn H thì: Việc đăng ký kết hôn như bà L trình bày là đúng. Cuộc sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ thỉnh thoảng có những mâu thuẫn nhỏ nhưng không đến mức phải ly hôn. Bà L đã thuê nhà ở đường T, phường G, thành phố Đ sinh sống, buôn bán. Ông vẫn đi đi về về giữa hai nhà. Bà L trình bày ông đánh bà L là không đúng vì do hai vợ chồng cãi nhau nên có xô xát dẫn đến bà L bị ngã. Hiện ông bà đã sống ly thân hơn 01 tháng. Ông cũng có mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng bà L không đồng ý. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do ông H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà L giữ nguyên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H vì mâu thuẫn giữa bà và ông H phát sinh trong thời gian dài không thể khắc phục. Bà đã cho ông H nhiều cơ hội nhưng cũng không thể chung sống hạnh phúc. Bà cũng xác định không còn tình cảm với ông H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng

quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông H là trầm trọng, phát sinh trong thời gian dài không thể giải quyết, Toà án tiến hành hoà giải nhưng ông H vắng mặt thể hiện việc ông không thực sự không có mong muốn níu kéo tình cảm vợ chồng. Như vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu giải quyết ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Cho bà L và ông H được ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung bà L xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H, nơi cư trú: Số E, đường C, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nên xác định quan hệ tranh chấp là "*Ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, ông H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] *Về nội dung vụ án:* Bà L và ông H kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống chung giữa bà L và ông H hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà L nguyên nhân mâu thuẫn do bà có con riêng ở chung với ông bà nhưng ông H không đồng ý, không tin tưởng vì cho rằng bà lấy tiền nuôi con riêng. Ngoài ra, ông H đi uống rượu về gây sự với bà, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lúc trầm trọng đã xảy ra xô sát với nhau. Bà cũng đã cho ông H thời gian để thay đổi nhưng không được. Theo ông H thì nguyên nhân mâu thuẫn không có gì lớn, ông bà đã sống ly thân, bà L đã thuê nhà ở và buôn bán. Ông không muốn ly hôn nhưng vợ

chồng cũng không thể trở về chung sống hạnh phúc. Mặt khác, theo biên bản xác minh tại địa phương ngày 16/8/2024 *thì "Trước đây bà L và ông H sống chung tại số E, đường C, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, về mâu thuẫn gia đình giữa bà L và ông H thì chính quyền địa phương không nắm được. Tuy nhiên, bà L và ông H không còn sống chung với nhau khoảng 06 tháng"*. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông H là trầm trọng, phát sinh trong một thời gian dài mà không thể giải quyết. Bà L xác định không còn tình cảm thương yêu với ông H, ông H xác định còn tình cảm với bà L nhưng trong thời gian vợ chồng sống ly thân cũng không có biện pháp gì đề níu kéo bà L cùng trở về cùng chung sống, hàn gắn tình cảm vợ chồng, Toà án đã tiến hành các phiên hoà giải nhưng ông H vắng mặt, thể hiện việc ông cũng không thực sự muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Như vậy, điều kiện hàn gắn tình cảm giữa bà L và ông H là khó có thể thực hiện, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài thì cuộc sống chung cũng không hạnh phúc nên bà L yêu cầu giải quyết ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Bà L xác định không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà L xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn H được ly hôn với nhau.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* bà L đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000847 ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Bà L đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng ông H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS Tp. Đà Lạt;
- UBND Phường 7, Tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Vân Anh